

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 11 - 2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HN, TỈNH BÐ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Á

Bà Lê Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BÐ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chánh Thân – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BÐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2020/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Văn T, sinh năm 1994 (CM)

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu B, sinh năm 1976 (VM)

Cùng địa chỉ: Khu phố TT 1, phường TQB, thị xã HN, tỉnh BÐ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Văn T trình bày: Chị và anh Nguyễn Hữu B tự nguyện xây dựng gia đình với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PC, huyện ĐP, tỉnh QN vào ngày 29/8/2012. Trong quá trình chung sống, anh Bình thường xuyên sử dụng bạo lực với chị nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hiện vợ chồng đang sống ly thân. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh B vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Nhật Ph, sinh ngày 06/6/2012 và Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 24/4/2017. Ly hôn, chị T giao hai con cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, vì hai con đang ở với anh B. Chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án yêu cầu anh B có mặt tại Tòa để làm việc nhưng anh B cố tình trốn tránh, không hợp tác, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70; 72 và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ theo quy định tại các Điều 91; 96 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Văn T; Giao 02 con chung cho anh B nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Văn T có đơn khởi kiện ly hôn với anh Nguyễn Hữu B, anh B có nơi ở tại khu phố TT 1, phường TQB, thị xã HN, tỉnh BD. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BD.

[2] Về thủ tục tố tụng tại Tòa: Bị đơn anh Nguyễn Hữu B được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình trốn tránh, không có mặt tại Tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị T và anh B tuân thủ đúng quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như qua nhiều lần xác minh cho thấy chị T và anh B sống ly thân đã lâu, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T yêu cầu ly hôn, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia

đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị.

[4] Về nuôi con chung: Kể từ thời điểm sống ly thân, các con đều sống cùng anh B, mặt khác, chị T cũng đồng ý giao con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho anh B nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình.

[5] Về chia tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Văn T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu B.
- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Nhật Ph, sinh ngày 06/6/2012 và Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 24/4/2017 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0009958 ngày 20 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

- Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày được niêm yết.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. HN;
- CC THA dân sự TX. HN;
- Các đương sự;
- UBND xã PC, ĐP, QN;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Vương